

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
THEO HÌNH THỨC ĐÀO TẠO TỪ XA, TỰ HỌC CÓ HƯỚNG DẪN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 71 /QĐ-TMDL ngày 19 tháng 02 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội)

Tên ngành, nghề:	Thương mại điện tử
Mã ngành, nghề:	6340122
Trình độ đào tạo:	Cao đẳng
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Đối tượng tuyển sinh:	Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;
Thời gian đào tạo:	3 năm

1. Giới thiệu chung về ngành, nghề:

Thương mại điện tử trình độ cao đẳng là ngành, nghề giao dịch thương mại thông qua các phương tiện điện tử như điện thoại, máy fax, các phương tiện thanh toán điện tử và máy tính có kết nối với mạng Internet, mạng viễn thông di động hoặc các mạng mở khác, đáp ứng yêu cầu bậc 5 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Dựa trên các phương tiện này, người làm ngành, nghề thương mại điện tử sẽ thực hiện các hoạt động mua bán hàng hóa và dịch vụ, giao nhận các nội dung kỹ thuật số trên mạng Internet, chuyển tiền điện tử, mua bán cổ phiếu điện tử, vận đơn điện tử, đấu giá trực tuyến, hợp tác chia sẻ tài nguyên mạng, mua sắm công cộng, tiếp thị trực tuyến tới người tiêu dùng và các dịch vụ sau bán hàng. Ngoài ra người làm ngành, nghề thương mại điện tử còn thực hiện các công việc khác phục vụ cho các hoạt động giao dịch thương mại được thành công như thiết lập và quản lý website thương mại điện tử, quản trị mạng máy tính, thiết kế đồ họa, lập các báo cáo khảo sát, nhu cầu của khách hàng nhằm nâng cao chất lượng phục vụ và doanh số bán hàng của doanh nghiệp.

Điều kiện và môi trường làm việc: Các hoạt động thương mại điện tử được thực hiện ở các doanh nghiệp, tổ chức với điều kiện môi trường làm việc nhiều biến động, có cạnh tranh, có quan hệ giao dịch với nhiều đối tượng khách hàng khác nhau, có tính chuyên nghiệp. Để làm được nghề Thương mại điện tử cần biết sử dụng thành thạo các công cụ, thiết bị điện tử, mạng internet để thực hiện hành vi mua, bán hàng hóa.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo được thiết kế theo định hướng ứng dụng với mục tiêu đào tạo như sau:

Đào tạo người học thương mại điện tử (TMĐT) có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có kiến thức khoa học cơ bản, giỏi ngoại ngữ; kiến thức

chuyên môn về TMĐT vững chắc và vận dụng tốt các mô hình kinh doanh TMĐT; có năng lực thực hành nghề TMĐT, quản trị các hoạt động TMĐT tại các doanh nghiệp, cơ quan nhà nước về thương mại điện tử và kinh tế số. Sinh viên sau khi tốt nghiệp sẽ tích lũy được những phẩm chất, kỹ năng nghề nghiệp quan trọng để có thể trở thành chuyên gia, các nhà quản lý, lãnh đạo trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

21.2. Mục tiêu cụ thể

Kiến thức

- Trình bày được đặc điểm, nội dung và quy trình thực hiện các giao dịch thương mại điện tử B2B; B2C; C2C; quy trình của hệ thống giao dịch qua thư tín, điện tín, mạng xã hội và các thiết bị điện tử khác;

- Mô tả được các luật, các nghị định, chế tài, hành lang pháp lý và thông lệ quốc tế liên quan trong hoạt động tư vấn, thương thảo và thuyết minh bán hàng, mua hàng trên mạng Internet;

- Trình bày được đặc điểm, nội dung, quy trình của các giao dịch dịch vụ công, giao dịch chính phủ điện tử; quy trình tiếp nhận, đánh giá, phân loại và xử lý khiếu nại trong dịch vụ công; mô tả được các hoạt động xử lý, phân luồng, dịch chuyển, theo dõi trạng thái hồ sơ của công dân;

- Xác định được những mục tiêu, yêu cầu của dự án thương mại điện tử; phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến dự án; xác định được các điểm mạnh, điểm yếu trong thực hiện dự án; phân tích được các loại rủi ro đối với hoạt động của một dự án;

- Trình bày được quy trình tiếp nhận phản hồi và xử lý các khiếu nại của khách hàng về sản phẩm dịch vụ; xác định được phương pháp hiệu quả trong việc đánh giá chỉ số hài lòng của khách hàng; nhận biết được các kênh truyền thông, các trang mạng xã hội và các ứng dụng công nghệ thông tin để có thể tiếp xúc được với khách hàng;

- Phân tích được các nguyên tắc cài đặt, cấu hình các phần mềm ứng dụng, các phần mềm dịch vụ website; trình bày được nguyên tắc hoạt động, các giao dịch của siêu thị, gian hàng ảo trên website thương mại điện tử; phân tích được một số giải pháp chủ yếu để bảo mật, bảo vệ cơ sở dữ liệu, phòng tránh và ứng phó rủi ro cho website thương mại điện tử;

- Trình bày được các quy trình thực hiện cài đặt và cấu hình các phần mềm xử lý ảnh, xử lý đồ họa; mô tả được quy trình thiết kế, xử lý ảnh, sáng tác đồ họa trên các phần mềm chuyên dụng;

- Phân tích được các nguyên tắc cài đặt, cấu hình các thiết bị mạng như switch, router, modem, các phần mềm ứng dụng, các phần mềm dịch vụ máy chủ, máy trạm và các thiết bị đầu cuối; phân tích được một số giải pháp chủ yếu để bảo mật, bảo vệ cơ sở dữ liệu, phòng tránh và ứng phó rủi ro cho hệ thống; trình bày được các phương pháp bảo trì, sửa chữa, nâng cấp, sao lưu cơ sở dữ liệu;

- Mô tả được các nghiệp vụ E-marketing, các kỹ thuật SEO, SEM, đảm bảo tối ưu hóa tìm kiếm, tối ưu hóa tiếp thị cho website; mô tả được các hình thức E-marketing phù hợp với doanh nghiệp;

- Trình bày được quy trình thanh toán điện tử qua các hình thức thanh toán bằng thẻ, thanh toán qua cổng thanh toán điện tử, thanh toán bằng ví điện tử, thanh toán bằng SMS, thanh toán COD, thanh toán bằng chuyển khoản;

- Nhận thức được tầm quan trọng về bảo vệ môi trường, tiếp cận khoa học kỹ thuật, công nghệ 4.0 đáp ứng nhu cầu công việc;

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

Kỹ năng

- Thực hiện được các giao dịch B2B, B2C, C2C, thông qua thư tín, điện tín, mạng xã hội và các thiết bị điện tử; ứng dụng được nội dung, quy định trong các luật, nghị định, chế tài, hành lang pháp lý và thông lệ quốc tế liên quan trong giao dịch bán hàng, mua hàng;

- Xử lý được yêu cầu sử dụng dịch vụ công trực tuyến của doanh nghiệp.

- Khai thác được các ứng dụng mạng xã hội trong việc tiếp cận, nắm bắt phản hồi của khách hàng, tư vấn, thuyết phục được khách hàng sử dụng sản phẩm dịch vụ của doanh nghiệp;

- Thiết lập được dự án thương mại điện tử với đầy đủ yêu cầu, thông số kỹ thuật; sử dụng được các phương pháp giám sát dự án và lập được báo cáo giám sát dự án thương mại điện tử hiệu quả;

- Cài đặt, cấu hình được các phần mềm ứng dụng, các phần mềm dịch vụ website, cấu hình được các chế độ bảo mật, bảo vệ cơ sở dữ liệu, phòng tránh và ứng phó rủi ro cho website; vận hành được các giao dịch của siêu thị, gian hàng ảo trên website thương mại điện tử;

- Cài đặt được các phần mềm xử lý ảnh, xử lý đồ họa chuyên dụng đúng yêu cầu kỹ thuật; thực hiện được việc thiết kế, xử lý ảnh bằng phần mềm photoshop, corel draw;

- Cài đặt, cấu hình các thiết bị mạng như switch, router, modem và các thiết bị mạng khác, cài đặt các phần mềm ứng dụng, các phần mềm dịch vụ máy chủ, máy trạm và các thiết bị đầu cuối; cài đặt, cấu hình được các chế độ bảo mật, bảo vệ cơ sở dữ liệu, phòng tránh và ứng phó rủi ro cho hệ thống mạng nội bộ;

- Sử dụng thành thạo các kỹ thuật SEO, SEM, đảm bảo tối ưu hóa tìm kiếm, tối ưu hóa tiếp thị cho website thương mại điện tử; sử dụng thành thạo các công cụ: được các công cụ: Google Keywords Tool, Google Trends, Google Insight, Google Search, Google Docs, Survey Monkey; phân tích hoạt động của khách hàng trên Internet để nắm bắt xu hướng, thị hiếu, thói quen tiêu dùng;

- Thực hiện thanh toán và kiểm soát dòng tiền của các hình thức thanh toán bằng thẻ, thanh toán qua cổng thanh toán điện tử, thanh toán bằng ví điện tử, thanh toán bằng SMS, thanh toán COD, thanh toán bằng chuyển khoản theo đúng quy trình;

Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;

- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

- Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm;

- Có ý thức trách nhiệm trong việc sử dụng, bảo quản tài sản trong đơn vị;
- Có đạo đức nghề nghiệp, tác phong công nghiệp và ý thức tổ chức kỷ luật.

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Giao dịch Thương mại điện tử;
- Dịch vụ công trực tuyến;
- Dịch vụ chăm sóc khách hàng;
- Quản trị dự án Thương mại điện tử;
- Thiết lập và quản lý website;
- Đồ họa máy tính;
- Quản trị website;
- E- Marketing;
- Thanh toán điện tử.

4. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học.

- Số lượng môn học, mô đun: 32
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 98 Tín chỉ, tương đương 2.505 giờ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 435 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 2.040 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 748 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1.650 giờ;

Kiểm tra: 107 giờ

5. Tổng hợp các năng lực của ngành, nghề

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	Năng lực cơ bản (năng lực chung)	
1	NLCB-01	Giáo dục Chính trị và Pháp luật: Hiểu biết về các quy định pháp lý cơ bản liên quan đến thương mại điện tử, bảo mật thông tin cá nhân và quyền sở hữu trí tuệ. Nắm vững các nguyên tắc đạo đức và trách nhiệm xã hội trong kinh doanh.
2	NLCB-02	Tin học và Tiếng Anh cơ bản: Sử dụng thành thạo các phần mềm văn phòng như Microsoft Office và các công cụ cơ bản của Internet để tìm kiếm thông tin và giao dịch trực tuyến. Giao tiếp cơ bản bằng Tiếng Anh trong môi trường thương mại điện tử.
3	NLCB-03	Kinh tế vi mô và Marketing căn bản: Hiểu các nguyên lý cơ bản của kinh tế thị trường, cung và cầu, giá cả và thị trường mục tiêu. Áp dụng các nguyên lý của marketing để phát triển các chiến lược bán hàng đơn giản.
4	NLCB-04	Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - an ninh: Duy trì sức khỏe thể chất tốt, đảm bảo khả năng làm việc lâu dài trong môi trường có áp lực cao. Hiểu biết cơ bản về an ninh mạng và bảo vệ thông tin cá nhân.
5	NLCB-05	Nhận thức được tổng quan về thương mại điện tử, bao gồm lịch sử phát triển, xu hướng và tác động đến kinh tế - xã hội.
II	Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)	
6	NLCL-01	Xây dựng và quản lý website TMĐT:

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
		Thiết kế và duy trì website thương mại điện tử, đảm bảo tính năng lượng cao và thân thiện với người dùng. Áp dụng các kỹ thuật SEO để cải thiện vị trí của website trên các công cụ tìm kiếm.
7	NLCL-02	Marketing số và Quản trị quan hệ khách hàng: Phát triển chiến lược Marketing số, bao gồm Content Marketing, Email Marketing và Social Media Marketing. Quản lý thông tin khách hàng và tối ưu hóa mối quan hệ.
8	NLCL-03	Thanh toán điện tử và Mobile Marketing: Thiết lập và quản lý các hệ thống thanh toán điện tử an toàn và hiệu quả. Tận dụng các ứng dụng di động để mở rộng kênh tiếp cận và tương tác với khách hàng.
9	NLCL-04	Tiếng Anh kinh doanh và Đồ họa ứng dụng: Giao tiếp thành thạo bằng Tiếng Anh trong môi trường kinh doanh quốc tế. Thiết kế các ấn phẩm quảng cáo, banner, và hình ảnh cho các chiến dịch trực tuyến.
10	NLCL-05	Kỹ thuật phân tích và tổng hợp dữ liệu: Sử dụng các công cụ phân tích để thu thập, xử lý và đưa ra các quyết định dựa trên dữ liệu thực tế.
III Năng lực nâng cao		
11	NLNC-01	Quản lý dự án TMDT toàn diện: Lập kế hoạch, triển khai và giám sát các dự án thương mại điện tử quy mô lớn, đa quốc gia. Đánh giá hiệu quả dự án và thực hiện điều chỉnh chiến lược kinh doanh.
12	NLNC-02	Phát triển chiến lược truyền thông Marketing số: Tạo lập và điều hành các chiến lược truyền thông số phức tạp, đa kênh để đạt hiệu quả cao nhất. Đổi mới sáng tạo trong các phương thức tiếp thị để dẫn đầu xu hướng thị trường.
13	NLNC-03	Truyền thông mạng xã hội và SEO cao cấp: Tối ưu hóa các chiến dịch trên mạng xã hội, tăng cường sự hiện diện và tương tác. Áp dụng các kỹ thuật SEO nâng cao để tăng lưu lượng truy cập và chuyển đổi trên website.

6. Nội dung chương trình

MH	Mã môn/ MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành/thực tập/thí nghiệm/Bài tập, thảo luận	Kiểm tra
I		Các môn học chung/đại cương	21	465	177	263	25
MH0	A066102	Nhập môn e-learning	2	30	20	8	2
MH1	CBCT019	Giáo dục Chính trị	5	75	41	29	5
MH2	CBPL020	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH3	GDTC023	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
MH4	GDQP023	Giáo dục quốc phòng - an ninh	3	75	36	35	4
MH5	CNTH017	Tin học	3	75	15	58	2
MH6	NNAB117	Tiếng Anh cơ bản 1	2	60	21	36	3
MH7	NNAB217	Tiếng Anh cơ bản 2	2	60	21	36	3
II		Các môn học, mô đun chuyên môn	77	2040	571	1387	82
II.1		Các môn học cơ sở ngành	19	360	203	137	20
MH8	KDKH023	Kinh tế vi mô	3	45	30	12	3
MH9	KDMC017	Marketing căn bản	2	30	28	0	2
MH10	KDTQ023	Tổng quan thương mại điện tử	3	45	42	0	3
MH11	KDND023	Nhập môn Digital Marketing	3	45	42	0	3
MĐ12	KDDH021	Đồ họa ứng dụng trong Thương mại điện tử	3	90	18	69	3
MH13	NNKM122	Tiếng Anh kinh doanh 1	3	45	43	0	2
MĐ14	NNKM222	Tiếng Anh kinh doanh 2	2	60	0	56	4
II.2		Các môn học, mô đun chuyên môn ngành, nghề	51	1560	292	1213	55
MH15	KDSD023	Sàn giao dịch thương mại điện tử	3	45	33	9	3
MĐ16	KDXW023	Xây dựng website TMĐT	3	90	30	57	3
MH17	KDTM021	Thanh toán điện tử	2	30	22	6	2
MH18	KDĐD023	Mobile Marketing	3	45	33	9	3
MH19	KDML023	Email Marketing	2	30	18	10	2
MH20	KDTH023	Xây dựng chiến lược truyền thông Marketing số	2	30	22	6	2
MH21	KDHV023	Quản trị quan hệ khách hàng	2	30	28	0	2
MĐ22	KDSM023	Marketing trên công cụ tìm kiếm	3	75	21	51	3
MĐ23	KDCM023	Content Marketing	3	60	33	21	6
MH24	KDKĐ023	Kỹ thuật phân tích và tổng hợp	2	30	22	6	2
MĐ25	KDKA023	Truyền thông mạng xã hội	3	60	30	27	3
MĐ26	KDDA023	Thực hành dự án thương mại điện tử	3	135	0	127	8
MĐ27	KDDN023	Thực tập nghề nghiệp	6	270	0	254	16
MĐ28	KDTN017	Thực tập tốt nghiệp	14	630	0	630	0
II.3		Môn học tự chọn	7	120	76	37	7
MH29	KDKT022	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	2	30	28	0	2
MĐ30	NNPT023	Phát triển kỹ năng cá nhân	3	45	30	12	3
MĐ31	NNSS023	Kỹ năng sẵn sàng làm việc	2	45	18	25	2
		Tổng	98	2505	748	1650	107

7. Hướng dẫn sử dụng chương trình

7.1. Các môn học chung

Các môn học chung bắt buộc theo quy định và hướng dẫn chung của Tổng cục Dạy nghề, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Môn học: Giáo dục chính trị (Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06 tháng 12 năm 2018)

- Môn học: Pháp luật (Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018)

- Môn học: Giáo dục thể chất (Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

- Môn học: Giáo dục thể chất (Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

- Môn học: Giáo dục Quốc phòng an ninh Thông tư số 10 /2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.)

- Môn học: Tin học (Thông tư số 11 /2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.)

- Môn học: Tiếng Anh (Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.)

7.2. Các môn học, mô đun tự chọn

Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo tự chọn cộng với tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định nhưng không được vượt quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khoá;

7.3. Cách thức đào tạo

Chương trình đào tạo được tổ chức đào tạo theo hình thức tích lũy mô đun hoặc tích lũy tín chỉ do Hiệu trưởng quyết định cho từng khoá học căn cứ tình hình cụ thể của từng năm học.

Thời gian tối đa để người học hoàn thành chương trình bao gồm thời gian học các môn học, mô-đun và thời gian thi tốt nghiệp hoặc bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp do hiệu trưởng quyết định, bảo đảm không vượt quá 1,5 lần thời gian đào tạo đối với chương trình từ hai đến ba năm học, không vượt quá 02 lần thời gian đào tạo đối với chương trình từ một đến dưới hai năm học, không bao gồm thời gian bảo lưu quy định tại khoản 2 Điều 9 của quyết định này.

Thời gian khóa học đối với người học được miễn trừ hoặc bảo lưu kết quả học tập do đã học được giảm trừ tương ứng với thời gian học các nội dung được miễn trừ.

7.4. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho hoạt động ngoại khóa

Căn cứ vào điều kiện cụ thể, khả năng của mỗi trường và kế hoạch đào tạo hàng năm theo từng khóa học, lớp học và hình thức tổ chức đào tạo đã xác định trong chương trình đào tạo và công bố theo từng ngành, nghề để xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa đảm bảo đúng quy định.

Để thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện nhà trường dành thời gian cho các hoạt động ngoại khóa bao gồm:

- Quản lý, giáo dục sinh viên ngoài giờ;

- Tổ chức cho sinh viên tới thăm quan, tìm hiểu tại một số doanh nghiệp liên quan phù hợp với nghề đào tạo;

- Tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động Đoàn; các hoạt động văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao, các câu lạc bộ ngoại ngữ; các phong trào thi đua nhân dịp kỷ

niệm các ngày lễ lớn: ngày quốc khánh 2/9, ngày giải phóng thủ đô 10/10, ngày nhà giáo Việt Nam 20/11, ngày thành lập Đảng 03/02, ngày thành lập Đoàn 26/03, ngày chiến thắng 30/04 và quốc tế lao động 1/5, ngày sinh nhật Bác 19/05.

- Mặt khác có thể tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động xã hội như: Hiến máu nhân đạo, đền ơn đáp nghĩa, ủng hộ đồng bào bị thiên tai - lũ lụt, thanh niên tình nguyện, mùa hè xanh hoặc tuyên truyền phòng chống ma túy và các tệ nạn xã hội, tổ chức giao lưu kết nghĩa giữa nhà trường với địa phương, ...

7.5. Hướng dẫn kiểm tra kết thúc môn học, mô đun

- Tất cả các môn học, mô đun đào tạo khi kết thúc đều được kiểm tra đánh giá kết quả, theo dõi mục tiêu của môn học theo thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 và Quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ tại Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội hiện hành.

- Hình thức: Viết, vấn đáp, trắc nghiệm, bài tập thực hành, báo cáo thực tập nghề

- Thời gian kiểm tra:

+ Lý thuyết: Không quá 120 phút.

+ Thi vấn đáp: 10 phút chuẩn bị + 5-10 phút trả lời.

+ Thực hành: Không quá 4 giờ

7.6. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp

Người học phải học hết chương trình đào tạo trình độ cao đẳng theo từng ngành, phải tích lũy đủ số mô đun, tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng danh hiệu cử nhân thực hành cho người học.

7.7. Các chú ý khác

- Môn học bắt buộc là môn học chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy;

- Môn học tự chọn là môn học chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của trường nhằm đa dạng hoá hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tuỳ ý để tích lũy đủ số môn học quy định cho mỗi chương trình.

- Chương trình cần được thực hiện nghiêm túc đảm bảo tổng số tiết học theo quy định. Thứ tự giảng dạy các môn học môn học phải thỏa mãn điều kiện tiên quyết và vị trí môn học (môn học tiên quyết là đăng ký môn học, mô đun trước thì được đăng ký môn học, mô đun tiếp theo).

- Kết quả của các môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh; Giáo dục thể chất không tính vào điểm trung bình chung của học kỳ, năm học, trung bình chung tích lũy và xếp loại tốt nghiệp của người học, nhưng là một trong những điều kiện xét tốt nghiệp.

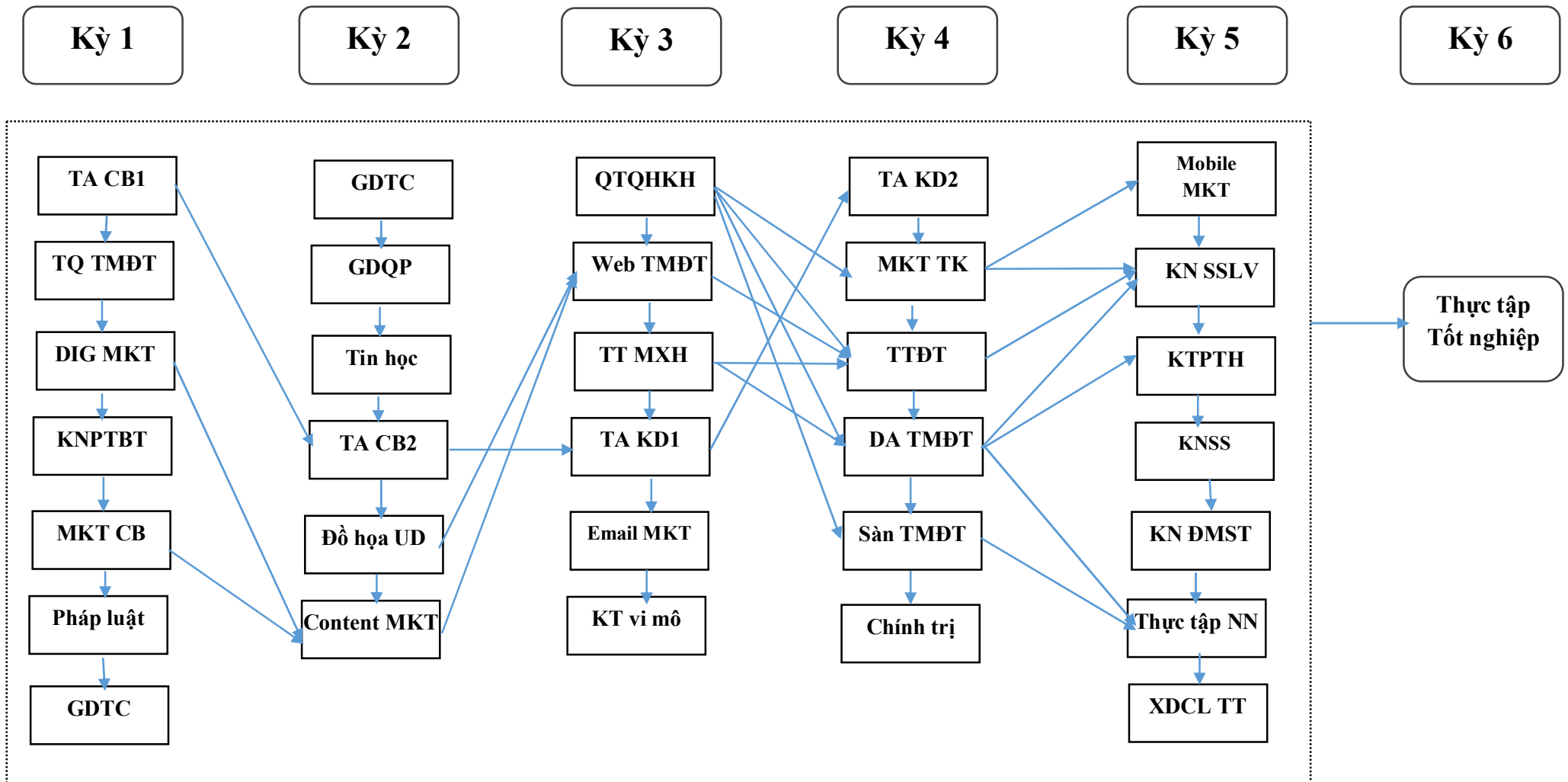
- Một giờ học thực hành/ tích hợp là 60 phút; một giờ học lý thuyết là 45 phút.

- Một ngày học thực hành/tích hợp không quá 8 giờ; một ngày học lý thuyết không quá 6 giờ.

- Mỗi tuần học không quá 40 giờ thực hành/tích hợp hoặc 30 giờ lý thuyết.

PHỤ LỤC 01

Sơ đồ mối liên hệ và tiến trình đào tạo các môn học, mô đun ngành Thương mại điện tử



PHỤ LỤC 02**Kế hoạch giảng dạy dự kiến****HỌC KỲ I**

TT	TÊN MÔN HỌC/MÔ ĐUN	SỐ TC	SỐ GIỜ
1	Tiếng Anh cơ bản 1	3	60
2	Tổng quan thương mại điện tử	3	45
3	Marketing căn bản	2	30
4	Kỹ năng phát triển bản thân	2	45
5	Nhập môn Digital Marketing	3	45
6	Pháp luật	2	30
7	Giáo dục thể chất	1	30
8	Nhập môn Elearning	2	30
	Cộng	18	315

HỌC KỲ II

TT	TÊN MÔN HỌC/MÔ ĐUN	SỐ TC	SỐ GIỜ
1	Giáo dục thể chất	1	30
2	Giáo dục quốc phòng - an ninh	4	75
3	Tin học	3	75
4	Tiếng Anh cơ bản 2	3	60
5	Đồ họa ứng dụng trong Thương mại điện tử	3	90
6	Content Marketing	3	60
	Cộng	17	390

HỌC KỲ III

TT	TÊN MÔN HỌC/MÔ ĐUN	SỐ TC	SỐ GIỜ
1	Quản trị quan hệ khách hàng	2	30
2	Kinh tế vi mô	3	45
3	Email Marketing	2	30
4	Xây dựng website TMĐT	3	90
5	Truyền thông mạng xã hội	3	60
6	Tiếng Anh kinh doanh 1	3	45
	Cộng	16	300

HỌC KỲ IV

TT	TÊN MÔN HỌC/MÔ ĐUN	SỐ TC	SỐ GIỜ
1	Tiếng Anh kinh doanh 2	2	60
2	Marketing trên công cụ tìm kiếm	3	75
3	Thanh toán điện tử	2	30
4	Thực hành dự án thương mại điện tử	3	135
5	Sàn giao dịch thương mại điện tử	3	45
6	Giáo dục Chính trị	3	75
	Cộng	16	420

HỌC KỲ V

TT	TÊN MÔN HỌC/MÔ ĐUN	SỐ TC	SỐ GIỜ
1	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	2	30
2	Mobile Marketing	3	45
3	Xây dựng chiến lược truyền thông Marketing số	2	30
4	Kỹ thuật phân tích và tổng hợp	2	30
5	Kỹ năng sẵn sàng làm việc	2	45
6	Thực tập nghề nghiệp	6	270
	Cộng	17	450

HỌC KỲ VI

TT	TÊN MÔN HỌC/MÔ ĐUN	SỐ TC	SỐ GIỜ
1	Thực tập tốt nghiệp	14	630
	Cộng	14	630

PHỤ LỤC 03

DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ ĐÀO TẠO

I. Học liệu đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn

1. Học liệu đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn có nội dung bám sát mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo, có tính sư phạm cao, dễ dùng, đáp ứng được nhu cầu tự học của người học.

2. Học liệu phục vụ các môn học, mô - đun, tín chỉ đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn được chuẩn bị đầy đủ và ở trạng thái sẵn sàng trước khi tổ chức đào tạo.

3. Học liệu đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn do trường tự thiết kế, sản xuất, thuê, mua ngoài hoặc sử dụng từ các nguồn hợp pháp khác, đảm bảo các quy định về sở hữu trí tuệ.

II. Hệ thống quản lý đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn

1. Hệ thống quản lý đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn bao gồm: hệ thống quản lý học tập và hệ thống hạ tầng kỹ thuật đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn.

2. Hệ thống quản lý học tập:

a) Cổng thông tin: Để công bố, giới thiệu các nội dung về chương trình đào tạo; thông tin tuyển sinh, điều kiện tuyển sinh.

b) Phân hệ học tập: Để người học truy cập vào các nội dung học tập từ xa và có thể tự học tập, tự đánh giá, nắm bắt được tiến trình, kết quả học tập của bản thân.

c) Phân hệ giảng dạy: Để nhà giáo quản lý học liệu đào tạo từ xa, thiết lập quy luật học, trả bài, thi kiểm tra; theo dõi, tương tác, trợ giúp, hướng dẫn người học; xác thực và kiểm soát quá trình học của học viên; quản lý học viên, lớp học.

d) Phân hệ tổ chức thi: Để trường tổ chức thi, kiểm tra đánh giá ghi nhận tiến trình học tập và kết quả học tập của người học.

đ) Phân hệ lớp học trực tuyến: Để tổ chức các lớp học trực tuyến theo thời gian thực.

e) Ứng dụng trên thiết bị di động: Để thực hiện giảng dạy, học tập dễ dàng, thuận tiện trên các thiết bị di động.

g) Phân hệ báo cáo: Để trích xuất được các thông tin của quá trình đào tạo và các hoạt động của người dạy, người học.

h) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ kỹ thuật, cán bộ hỗ trợ, cán bộ quản lý hệ thống để tổ chức đào tạo và quản trị vận hành hệ thống.

3. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật

Hệ thống máy chủ và hạ tầng kết nối mạng phải có đủ băng thông, năng lực đáp ứng nhu cầu truy cập của người dùng; phải duy trì tối thiểu hai hệ thống hạ tầng kỹ thuật để dự phòng lẫn nhau.

4. Khuyến khích thuê ngoài hệ thống quản lý đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn hoặc hợp tác với các đơn vị cung cấp giải pháp đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn để tiết kiệm chi phí đầu tư và chi phí vận hành. Khi thuê ngoài hay hợp tác các đơn vị cung cấp giải pháp đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn phải đáp ứng các yêu cầu về hệ thống máy chủ, bảo mật, hạ tầng lưu trữ và an toàn dữ liệu theo quy định của pháp luật.